

Số: **2640** /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **04** tháng **10** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học
và xác định khối lượng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học
của giảng viên Trường Đại học Tài chính - Marketing**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 21/6/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc điều chỉnh chính sách miễn, giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học đối với giảng viên được cử đi học nghiên cứu sinh trong nước;

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 22/8/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc sửa đổi Khoản 6 Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 2454/QĐ-ĐHTCM ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học và xác định khối lượng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 844/QĐ-ĐHTCM ngày 24/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trưởng các đơn vị thuộc Trường và toàn thể viên chức Trường Đại học Tài chính - Marketing chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH.



HIỆU TRƯỞNG

★ **PGS.TS. Phạm Tiến Đạt**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hoạt động nghiên cứu khoa học và xác định khối lượng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính - Marketing
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2640/QĐ-DHTCM ngày 04 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học và xác định khối lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing (gọi tắt là Trường), bao gồm: các hoạt động nghiên cứu khoa học, định mức giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, số giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, phân chia khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Quy định này áp dụng cho tất cả các viên chức giữ chức danh nghề nghiệp là giảng viên toàn thời gian của Trường bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, giảng viên có chức danh phó giáo sư, giáo sư (gọi chung là giảng viên).

3. Viên chức của Trường không giữ chức danh nghề nghiệp là giảng viên có tham gia thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học thì áp dụng Quy định này, trừ các điều khoản quy định liên quan đến định mức giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động khoa học và công nghệ* là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

2. *Hoạt động nghiên cứu khoa học* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

3. *Đề tài nghiên cứu khoa học* là nhiệm vụ khoa học có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

4. *Đề án khoa học* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật. ✓

5. *Dự án khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

6. *Định mức giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học* là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tối thiểu, bắt buộc thuộc nhiệm vụ của giảng viên trong một năm, bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau khi hoàn thành các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

7. *Số giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học quy đổi đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học* là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng từng công trình khoa học khi tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

1. Chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

a) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia và tương đương bao gồm đề tài thuộc chương trình khoa học trọng điểm cấp quốc gia; đề tài thuộc chương trình cấp nhà nước, đề tài độc lập cấp nhà nước, đề tài theo Nghị định thư; đề tài do quỹ NAFOSTED tài trợ và các đề tài khác được xác định tương đương cấp quốc gia theo các quy định hiện hành.

b) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, tỉnh và tương đương bao gồm đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; đề tài nhánh của đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia; đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được tài trợ bởi các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài, công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước hoặc các đơn vị khác có đăng ký và được các Bộ, Ngành, tỉnh chấp nhận tương đương đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương.

c) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp Trường và tương đương bao gồm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp Trường do Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt; đề tài nhánh của đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc tương đương và các đề tài nghiên cứu khoa học theo hợp đồng với các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp có đăng ký và được Hiệu trưởng nhà trường chấp nhận tương đương đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp Trường.

2. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, đề án mở ngành đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề án khoa học và dự án khoa học phục vụ cho các hoạt động của Trường.

3. Chủ biên/Đồng chủ biên hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo bao gồm giáo trình, sách hướng dẫn, sách tham khảo, sách chuyên khảo dạng bản giấy và bản điện tử, bài giảng điện tử phục vụ đào tạo từ xa và trực tuyến; bài giảng có đăng ký và được Hiệu trưởng nhà trường chấp nhận sử dụng làm tài liệu phục vụ đào tạo.

4. Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên ngoài Trường thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học theo nhiệm vụ đã đề xuất và được Hiệu trưởng nhà trường chấp nhận; huấn luyện và hướng dẫn sinh viên, vận động viên của Trường thi đấu thể thao, hội thao quốc phòng và an ninh đạt giải cấp tỉnh, thành trực thuộc trung ương, cấp quốc gia hoặc quốc tế. ✓

5. Viết hoặc tham gia viết bài tham luận hội thảo khoa học trong và ngoài nước tại các hội thảo khoa học có xuất bản kỷ yếu hoặc công bố toàn văn.

6. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (ghi rõ đơn vị công tác là Trường Đại học Tài chính – Marketing).

7. Các hoạt động liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học khác có đăng ký và được Hiệu trưởng nhà trường chấp nhận.

Điều 4. Nhiệm vụ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

1. Trong từng năm, mỗi giảng viên bắt buộc phải hoàn thành nhiệm vụ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Hằng năm, mỗi giảng viên phải công bố kết quả nghiên cứu khoa học bằng các sản phẩm nghiên cứu khoa học cụ thể nêu tại Điều 3 của Quy định này, trong đó bắt buộc tham gia thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở hoặc tương đương trở lên nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận và tính điểm hoặc một bài tham luận hội thảo khoa học chuyên ngành có công bố toàn văn hoặc xuất bản kỷ yếu hoặc tham gia viết sách phục vụ đào tạo đã nghiệm thu.

3. Đối với giảng viên có học vị Tiến sĩ (bao gồm Tiến sĩ khoa học, có chức danh giáo sư, phó giáo sư và được bầu làm Viện sĩ) ngoài nhiệm vụ được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì mỗi năm phải có ít nhất 1 bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước chấp nhận hoặc tạp chí quốc tế uy tín nằm trong danh mục Scopus/ISI và định kỳ 3 năm phải chủ nhiệm ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Trường hoặc tương đương trở lên nghiệm thu đạt yêu cầu.

Chương II

ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ SỐ GIỜ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 5. Định mức giờ chuẩn thực hiện nghiên cứu khoa học của giảng viên

1. Định mức giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được quy định chung cho tất cả các chuyên môn như sau:

Các chức danh giảng viên	Định mức giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học
Giảng viên cao cấp, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư.	580
Giảng viên chính	560
Giảng viên	540
Trợ giảng	270

2. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, công tác đoàn thể trong Trường thực hiện theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn được quy định tại Khoản 1 Điều này, cụ thể:

STT	Chức vụ	(%) Định mức
I. Giảng viên kiêm nhiệm công tác lãnh đạo, quản lý		
1	Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường	15
2	Phó Hiệu trưởng	20

STT	Chức vụ	(%) Định mức
3	Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm, Viện trưởng, Trưởng trạm, Giám đốc Thư viện, Thư ký Hội đồng trường	25
4	Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm, Phó Viện trưởng, Phó Trưởng trạm, Phó Giám đốc Thư viện	30
5	Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa:	
5.1	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 sinh viên trở lên:	
	- Trưởng khoa	60
	- Phó trưởng khoa	70
5.2	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 sinh viên:	
	- Trưởng khoa	70
	- Phó Trưởng khoa	80
6	Trưởng bộ môn	80
7	Phó Trưởng bộ môn; chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập (tính chức danh, không tính số lớp)	85
8	Giảng viên làm công tác hành chính tại các phòng, trung tâm, viện, thư viện (nếu có)	25
II. Giảng viên kiêm nhiệm công tác Đảng, Đoàn thể		
1	Bí thư Đảng ủy	15
2	Phó Bí thư Đảng ủy	30
3	Bí thư chi bộ, Trưởng ban Nữ công, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Chủ tịch Hội cựu chiến binh	85
4	Phó Bí thư chi bộ	90
5	Chủ tịch công đoàn trường, phó chủ tịch công đoàn trường	85
6	Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Trường, Chủ tịch Công đoàn bộ phận, Phó Chủ tịch Công đoàn bộ phận, Tổ trưởng, Tổ phó công đoàn đơn vị	90
7	Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên	30
8	Phó Bí thư Đoàn trường, Phó Chủ tịch Hội sinh viên	40
9	Bí thư Đoàn khoa có từ 2.000 sinh viên trở lên	60
10	Bí thư Đoàn khoa có dưới 2.000 sinh viên	70
11	Ủy viên thường vụ Đoàn trường	70

3. Giảng viên trong thời gian tập sự có định mức bằng 50% định mức được quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được giảm trừ định mức giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ. ✓

5. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều công tác quản lý, công tác đảng và đoàn thể thực hiện theo tỷ lệ % định mức giờ chuẩn thấp nhất trong các % định mức giờ chuẩn cho các chức danh kiêm nhiệm được quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Giảng viên đi học tập dài hạn ở nước ngoài được thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên hiện hành tại Trường.

Điều 6. Số giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học quy đổi đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Số giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học quy đổi đối với từng hoạt động nghiên cứu khoa học (bao gồm số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau để hoàn thành khối lượng từng công trình khoa học) được xác định như sau:

STT	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ
1. Đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu		
	a) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia và tương đương, tính trong năm của thời hạn hợp đồng. Số giờ nghiên cứu khoa học từng hoạt động được xác định như sau: - Thuyết minh đề tài được phê duyệt: 20% giờ quy định, tính trong năm được duyệt. - Báo cáo chuyên đề (theo nội dung hợp đồng): 30% giờ quy định, tính trong năm hoàn thành báo cáo chuyên đề. - Báo cáo tổng hợp cuối cùng được nghiệm thu: tính 50% giờ quy định còn lại, tính trong năm được nghiệm thu.	10.000 giờ/đề tài
	b) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, tỉnh và tương đương, tính trong năm của thời hạn hợp đồng. Số giờ nghiên cứu khoa học từng hoạt động được xác định như sau: - Đề tài được cấp kinh phí dưới 200 triệu đồng - Đề tài được cấp kinh phí từ 200 đến 500 triệu đồng - Đề tài được cấp kinh phí từ trên 500 triệu đồng trở lên Trong đó: thuyết minh đề tài được phê duyệt là 20% giờ quy định, tính trong năm được duyệt; báo cáo chuyên đề (theo nội dung hợp đồng) là 30% giờ quy định, tính trong năm hoàn thành báo cáo chuyên đề; báo cáo tổng hợp cuối cùng được nghiệm thu: tính 50% giờ quy định còn lại, tính trong năm được nghiệm thu.	3.200 giờ/đề tài 4.000 giờ/đề tài 7.000 giờ/đề tài
	c) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp Trường và tương đương.	1.500 giờ/đề tài
2. Đề án mở ngành đào tạo; đề án khoa học và dự án khoa học phục vụ cho các hoạt động của Trường được nghiệm thu		
	a) Đề án trọng điểm được Hiệu trưởng giao thực hiện b) Đề án được cấp kinh phí dưới 30 triệu đồng c) Đề án được cấp kinh phí từ 30 đến dưới 100 triệu đồng d) Đề án được cấp kinh phí từ 100 đến 300 triệu đồng	3.200 giờ/đề án 800 giờ/đề án 1.500 giờ/đề án 1.800 giờ/đề án

STT	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ
3. Biên soạn sách phục vụ đào tạo được nghiệm thu và đưa vào sử dụng		
	a) Giáo trình biên soạn lần đầu	900 giờ/tín chỉ
	b) Giáo trình tái bản, sửa chữa đến 30% so với lần xuất bản trước	250 giờ/giáo trình
	c) Giáo trình tái bản, sửa chữa từ trên 30% đến 50% so với lần xuất bản trước	500 giờ/giáo trình
	d) Bài giảng có đăng ký và được Hiệu trưởng chấp nhận sử dụng làm tài liệu phục vụ đào tạo	600 giờ/tín chỉ
	đ) Sách hướng dẫn	600 giờ/tín chỉ
	e) Sách chuyên khảo	3.500 giờ/sách
	g) Sách tham khảo	
	- Đối với sách tham khảo có số trang từ 240 trang trở lên	1.750 giờ/sách
	- Đối với sách tham khảo có số trang dưới 240 trang và tối thiểu là 150 trang	875 giờ/sách
	h) Bài giảng điện tử phục vụ đào tạo từ xa và trực tuyến bao gồm bài giảng dạng video:	800 giờ/bài giảng
	- Học phần 02 tín chỉ.	1.500 giờ/bài giảng
	- Học phần trên 02 tín chỉ	
4. Xây dựng chương trình đào tạo được ban hành và đưa vào sử dụng		
	a) Biên soạn, tổng hợp, biên tập	800 giờ/chương trình/ngành
	b) Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo trình độ đại học cho các học phần tiếng Việt	160 giờ/ đề cương
	c) Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo trình độ đại học cho các học phần học bằng tiếng Anh	200 giờ/ đề cương
	d) Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	270 giờ/ đề cương
	đ) Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ	320 giờ/ đề cương
	e) Chính sửa, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo theo yêu cầu của Hiệu trưởng nhà trường.	500 giờ/chương trình/ngành
5. Bài báo khoa học công bố trên các Tạp chí giấy in hoặc trực tuyến (có ghi đơn vị công tác là Trường Đại học Tài chính – Marketing)		
	a) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí ISI, Scopus Q1	9.000 giờ/ bài
	b) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí Scopus Q2	7.000 giờ/ bài
	c) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí Scopus Q3	5.000 giờ/ bài

✓

STT	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ
	d) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí Scopus Q4	3.000 giờ/ bài
	đ) Bài báo khoa học viết bằng tiếng nước ngoài công bố trên tạp chí quốc tế có mã số ISSN (bao gồm bài báo công bố trên tạp chí thuộc danh mục Scopus nhưng không được xếp hạng Q1,2,3,4); bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế trong danh mục ESCI.	1.500 giờ/ bài
	e) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận và tính điểm từ 1 điểm trở lên; bài báo khoa học công bố trên Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing bằng tiếng Anh.	1.000 giờ/ bài
	g) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận và tính điểm đến 0,75 điểm; bài báo khoa học công bố trên Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing bằng tiếng Việt.	800 giờ/ bài
	h) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận và tính điểm đến 0,5 điểm.	600 giờ/ bài
	i) Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành khác trong nước có mã ISSN.	200 giờ/ bài
	k) Chương sách (Book chapters/Series) thuộc một số nhà xuất bản uy tín bao gồm Springer, Elsevier, Wiley - Blackwell, Taylor&Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge University Press, Emerald, Macmillan Publishers, Edward Elgar Publishing, De Gruyter, World Scientific, Routledge, Peter Lang, Thomson Reuters, McGraw Hill.	1000 giờ/chương sách
6. Bài tham luận công bố trong các hội thảo khoa học có xuất bản hoặc công bố toàn văn trong kỷ yếu.		
	a) Bài tham luận hội thảo quốc tế trong và ngoài nước được viết bằng một trong 5 thứ tiếng: tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức.	1000 giờ/ bài
	b) Bài tham luận hội thảo quốc tế viết bằng tiếng Việt; bài tham luận hội thảo quốc gia và tương đương.	400 giờ/ bài
	c) Bài tham luận hội thảo cấp Bộ, Ngành hoặc địa phương trực thuộc trung ương tổ chức và tương đương.	300 giờ/ bài
	d) Bài tham luận hội thảo cấp Trường và tương đương có xuất bản kỷ yếu có ISBN.	300 giờ/ bài
	đ) Bài tham luận hội thảo cấp Trường và tương đương có công bố toàn văn trong kỷ yếu hoặc tài liệu hội thảo.	150 giờ/ bài

STT	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ
	e) Bài tham luận hội thảo cấp Khoa và tương đương có công bố toàn văn trong kỷ yếu hoặc tài liệu hội thảo.	100 giờ/ bài
	g) Bản tin khoa học	150 giờ/ bài
7. Huấn luyện và hướng dẫn sinh viên, vận động viên của Trường thi đấu thể thao, hội thao quốc phòng an ninh đạt giải từ cấp tỉnh, thành trực thuộc trung ương trở lên.		
	a) Đạt giải nhất	400 giờ
	b) Đạt giải nhì	350 giờ
	c) Đạt giải ba	300 giờ
	d) Đạt giải khuyến khích	250 giờ
8. Tham gia chủ nhiệm các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, câu lạc bộ tiếng Anh và câu lạc bộ thể dục, thể thao của Trường.		400 giờ/câu lạc bộ/năm
9. Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật, sáng tạo, khởi nghiệp; hướng dẫn sinh viên ngoài Trường thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học theo nhiệm vụ đã đề xuất và được Hiệu trưởng nhà trường chấp nhận		
	a) Đạt giải nhất cấp Bộ, tỉnh, thành và quốc gia.	400 giờ/ công trình
	b) Đạt giải nhì cấp Bộ, tỉnh, thành và quốc gia.	350 giờ/ công trình
	c) Đạt giải ba cấp Bộ, tỉnh, thành và quốc gia.	300 giờ/ công trình
	d) Đạt giải khuyến khích cấp Bộ, tỉnh, thành và quốc gia.	250 giờ/ công trình
	đ) Đạt giải nhất cấp Trường	250 giờ/ công trình
	e) Đạt giải nhì cấp Trường	230 giờ/ công trình
	g) Đạt giải ba cấp Trường	210 giờ/ công trình
	h) Khuyến khích cấp Trường.	200 giờ/ công trình
	i) Hoàn thành đề tài, nộp trường nghiệm thu	150 giờ/ công trình

2. Số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chưa được quy định tại Khoản 1 Điều này do Hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định sau khi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được nghiệm thu, thanh lý.

3. Số giờ nghiên cứu khoa học từng hoạt động nghiên cứu khoa học đối với tập thể được quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được phân chia khối lượng thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học cá nhân tại Điều 7 của Quy định này.

4. Đối với hoạt động hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học thì giảng viên hướng dẫn được tính giờ hoạt động nghiên cứu khoa học tương ứng với giải thưởng cao nhất của công trình nếu một công trình sinh viên đạt nhiều giải thưởng.

Chương III

PHÂN CHIA KHỐI LƯỢNG GIỜ VÀ XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG GIỜ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 7. Phân chia khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Sản phẩm nghiên cứu khoa học là các công trình khoa học được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3:



a) Nhóm nghiên cứu/thực hiện trên 02 thành viên thì chủ nhiệm đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học nhận 50% tổng số giờ được quy định tại Khoản 1 Điều 6 và 50% tổng số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác.

b) Nhóm nghiên cứu/thực hiện chỉ có 02 thành viên thì chủ nhiệm đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học nhận 75% tổng số giờ và thành viên còn lại nhận 25% tổng số giờ được quy định tại Khoản 1 Điều 6.

2. Sản phẩm nghiên cứu khoa học là các công trình khoa học được quy định tại Khoản 3 Điều 3:

a) Nhóm tác giả chỉ có 01 người chủ biên thì người chủ biên nhận 20% tổng số giờ được quy định tại Khoản 1 Điều 6 và 80% tổng số giờ còn lại được xác định theo giá trị đóng góp của từng tác giả thành viên tham gia viết, kể cả người chủ biên trực tiếp tham gia viết.

b) Nhóm tác giả có 02 người đồng chủ biên thì mỗi chủ biên nhận 10% tổng số giờ được quy định tại Khoản 1 Điều 6 và 80% tổng số giờ còn lại được xác định theo giá trị đóng góp của từng tác giả thành viên tham gia viết, kể cả các đồng chủ biên trực tiếp tham gia viết.

c) Giá trị đóng góp của các thành viên theo quy định tại Điểm a) và Điểm b) Khoản này được thể hiện thông qua văn bản thống nhất có xác nhận của các chủ biên.

3. Sản phẩm nghiên cứu khoa học là các công trình khoa học được quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 3:

a) Nhóm tác giả chỉ có 2 thành viên thì tác giả chính nhận 70% tổng số giờ và tác giả còn lại nhận 30% tổng số giờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6.

b) Nhóm tác giả có 3 thành viên thì tác giả chính nhận 50% tổng số giờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 và 50% tổng số giờ còn lại chia đều cho 2 tác giả thành viên tham gia khác còn lại.

c) Nhóm tác giả nhiều hơn 3 thành viên thì tác giả chính nhận 30% tổng số giờ và 70% tổng số giờ còn lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 chia đều cho các tác giả thành viên tham gia khác còn lại.

d) Tác giả chính tại Khoản 3 Điều này là tác giả đứng đầu ngoại trừ có văn bản thỏa thuận khác từ tập thể tác giả.

4. Sản phẩm nghiên cứu khoa học là các công trình khoa học được quy định tại Khoản 4 Điều 3 như huấn luyện và hướng dẫn sinh viên, vận động viên của Trường thi đấu thể thao, hội thao quốc phòng an ninh và tham gia chủ nhiệm các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, câu lạc bộ tiếng Anh và câu lạc bộ thể dục, thể thao của Trường có nhiều giảng viên/thành viên cho một sản phẩm/công trình thì mức phân chia theo tỷ lệ đóng góp của giảng viên/thành viên thông qua văn bản thống nhất của các thành viên.

5. Các trường hợp khác Hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định.

Điều 8. Thống kê và xác định khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Tổng số giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học trong từng năm của mỗi giảng viên được xác định bằng tổng khối lượng giờ quy đổi từ các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học được nghiệm thu theo quy định tại Điều 6 và đã được phân chia khối lượng giờ tại Điều 7 (nếu có) của Quy định này.

2. Các giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu khoa học theo Điều 5 thì khối lượng giờ hoạt động nghiên cứu khoa học còn thiếu được quy đổi từ số giờ giảng vượt định mức cho từng chức danh giảng viên (nếu có) tại các quy định hiện hành về chế độ làm việc của giảng viên theo tỷ lệ 2 giờ chuẩn thực hiện hoạt động nghiên cứu

khoa học tương đương 1 giờ chuẩn giảng dạy. Việc quy đổi này được thực hiện trước khi thanh toán thù lao vượt giờ của giảng viên.

3. Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc Điểm a) và b) Khoản 1 Điều 3 nếu được nghiệm thu thành lý trước thời hạn thì số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học vẫn được tính trong 2 năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 6.

4. Giảng viên có khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học vượt định mức trong mỗi năm theo quy định tại Điều 5 được phép chuyển một phần khối lượng giờ vượt sang năm tiếp theo nhưng không được tính vào khối lượng giờ thực hiện nghiên cứu khoa học vượt trội theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

5. Hằng năm, Phòng Quản lý khoa học làm đầu mối tổng kết khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và đánh giá nghĩa vụ thực hiện nghiên cứu khoa học từng giảng viên, viên chức theo Điều 5 Quy định này và các quy định khác về chế độ làm việc của giảng viên, viên chức hiện hành. Nguyên tắc thống kê và tổng kết khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, viên chức gồm có:

a) Phòng Quản lý khoa học tổ chức thống kê các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học cho từng giảng viên, viên chức do Trường tổ chức hoặc chủ trì và nghiệm thu.

b) Giảng viên và viên chức thực hiện kê khai hoặc cập nhật công trình, sản phẩm hoạt động nghiên cứu khoa học vào hệ thống Quản lý công trình khoa học của Trường đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học do các đơn vị ngoài trường tổ chức, chủ trì và nghiệm thu. Danh mục sản phẩm kê khai, cập nhật và minh chứng kèm theo được quy định tại Phụ lục của Quy định này.

c) Phòng Quản lý khoa học tổ chức quy đổi số giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học từng công trình, sản phẩm hoặc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và xác định khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học trong năm cho từng giảng viên, viên chức của Trường.

Điều 9. Khối lượng thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học vượt trội

1. Giảng viên và viên chức của Trường có thành tích thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc có khối lượng giờ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học vượt trội nếu đạt ít nhất một tiêu chí sau:

a) Chủ nhiệm đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp Trường; chủ biên, các đồng chủ biên giáo trình đúng tiến độ và được nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

b) Giảng viên và viên chức Trường có sản phẩm, công trình thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định tại Điều 3 đã nghiệm thu đúng hạn và có tổng khối lượng giờ hoạt động nghiên cứu khoa học quy đổi từ 3.000 giờ trở lên. Khối lượng giờ vượt trội trong từng năm theo nội dung này gồm có 03 mức độ: từ 3.000 giờ đến 5.000 giờ (Mức 1), từ 5.000 giờ đến 10.000 giờ (Mức 2) và trên 10.000 giờ (Mức 3).

c) Giảng viên và viên chức Trường công bố bài báo khoa học (có ghi đơn vị công tác là Trường Đại học Tài chính – Marketing) trên Tạp chí quốc tế uy tín được xếp vào danh mục ISI, Scopus đúng lĩnh vực công bố. Thành tích hoạt động nghiên cứu khoa học vượt trội trong từng năm theo nội dung này gồm có 04 mức độ: bài báo xếp vào danh mục ISI, Scopus Q1 (Mức 1), bài báo xếp vào danh mục Scopus Q2 (Mức 2), bài báo xếp vào danh mục Scopus Q3 (Mức 3), bài báo xếp vào danh mục Scopus Q4 (Mức 4).

d) Giảng viên và viên chức Trường công bố bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có mã ISSN (bao gồm tạp chí thuộc danh mục Scopus nhưng chưa được xếp hạng Q1, Q2, Q3, Q4), công bố bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế trong danh mục ESCI; công bố bài tham luận khoa học được viết bằng tiếng nước ngoài trong các Hội thảo khoa học quốc tế trong và ngoài nước có xuất bản kỷ yếu có mã ISBN. ✓

đ) Giảng viên và viên chức Trường công bố bài báo khoa học (có ghi đơn vị công tác là Trường Đại học Tài chính – Marketing) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận và tính từ 1 điểm trở lên; viết và công bố chương sách thuộc một số nhà xuất bản uy tín được quy định tại Khoản 5 Điều 6 Quy định này.

2. Giảng viên và viên chức của Trường có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc hoặc khối lượng thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học vượt trội theo Khoản 1 Điều này được chi hỗ trợ hoặc khen thưởng (nếu có) theo quy chế chi tiêu nội bộ và các chính sách, chế độ cho viên chức hiện hành của Trường về hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó:

a) Mức chi hỗ trợ hoặc khen thưởng tương ứng với mức vượt trội theo Khoản 1 Điều này được xác định theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

b) Nguyên tắc phân chia mức chi hỗ trợ hoặc khen thưởng đối với Khoản 1 Điều này cho các công trình, sản phẩm nhiều tác giả được thực hiện theo Điều 7 của Quy định này.

c) Việc chi hỗ trợ hoặc khen thưởng theo Mục c) và Mục d) Khoản 1 Điều này được thực hiện mỗi quý một lần vào cuối mỗi quý trong từng năm.

d) Các trường hợp khác theo các quy định hiện hành.

3. Việc xác định thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc hoặc khối lượng thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học vượt trội không áp dụng cho các giảng viên, viên chức ngoài Trường tham gia phối hợp, cộng tác hoặc hỗ trợ thực hiện hoạt động nghiên cứu với giảng viên và viên chức của Trường.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Trường các đơn vị thuộc Trường tổ chức quán triệt đến tất cả giảng viên, viên chức thuộc đơn vị quản lý để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện quy định, nếu có vướng mắc và phát sinh, các đơn vị phản hồi kịp thời về Phòng Quản lý khoa học để đề xuất, tham mưu Ban Giám hiệu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ MINH
CHỨNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

STT	SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	MINH CHỨNG
1	Đề tài nghiên cứu khoa học.	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1) Hợp đồng nghiên cứu đề tài 2) Biên bản nghiệm thu đề tài 3) Biên bản thanh lý hợp đồng 4) Hợp đồng nghiên cứu đề tài của giảng viên với các đơn vị ngoài trường 5) Biên bản thanh lý hợp đồng đề tài của giảng viên với các đơn vị ngoài trường 6) Bản thỏa thuận tỷ lệ đóng góp của nhóm thực hiện đề tài có xác nhận của chủ nhiệm đề tài (nếu có).
2	Sách phục vụ đào tạo được biên soạn ở các đơn vị ngoài Trường, đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại đơn vị tổ chức biên soạn.	Nộp bản sao của các tài liệu: 1) Quyết định giao 2) Hợp đồng 3) Quyết định thành lập hội đồng thẩm định 4) Biên bản họp hội đồng thẩm định 5) Thanh lý hợp đồng 6) Quyết định công nhận 7) Quyết định xuất bản 8) Giấy xác nhận mục đích sách phục vụ đào tạo của đơn vị tổ chức biên soạn
3	Bài báo khoa học và bài tham luận tại Hội thảo khoa học.	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1) Trang bìa 2) Trang mục lục 3) Toàn bộ nội dung bài báo, tham luận đã được xuất bản/công bố. Lưu ý: đối với bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế trực tuyến cung cấp đường link tra cứu.
4	Các hoạt động nghiên cứu khoa học khác được Ban Giám hiệu phê duyệt.	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1) Văn bản phê duyệt. 2) Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng.

2